

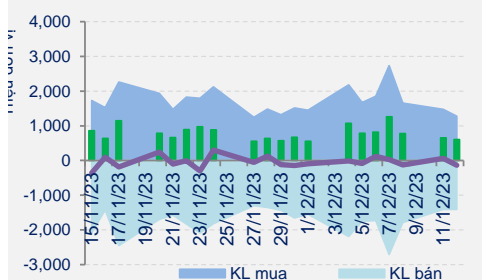
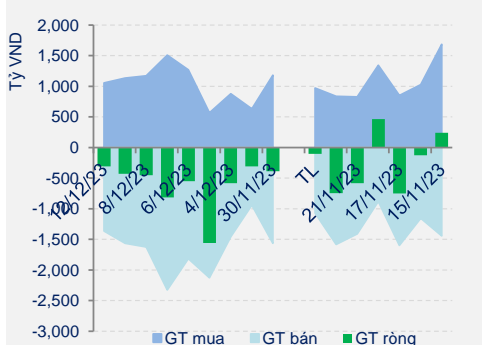
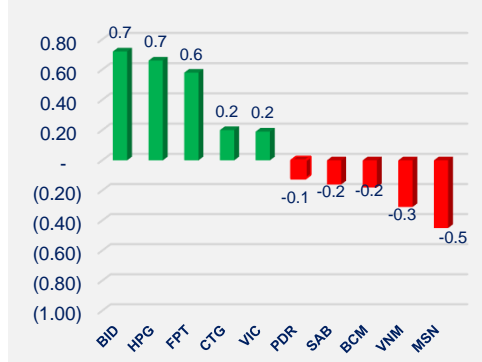
MARKET LENS

12/12/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,127.63	231.71
% Thay đổi	↑ 0.19%	↑ 0.15%
KLGD (CP)	604,857,077	80,721,955
GTGD (tỷ đồng)	13,951.66	1,537.18
Tổng cung (CP)	1,408,587,032	154,599,600
Tổng cầu (CP)	1,274,126,294	121,829,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	41,268,593	419,933
KL mua (CP)	32,898,974	1,859,754
GT mua (tỷ đồng)	1,054.67	49.25
GT bán (tỷ đồng)	1,361.73	8.02
GT ròng (tỷ đồng)	(307.06)	41.23

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


VN-INDEX tiếp tục có phiên giao dịch tăng điểm nhẹ khi rung lắc kiểm tra lại vùng giá hỗ trợ gần nhất quanh 1.120 điểm. Kết phiên VN-INDEX tăng 2,13 điểm (+0,19%) lên mức 1.127,63 điểm nhưng với thanh khoản suy giảm khá mạnh. VN-INDEX kỳ vọng hướng đến vùng giá cao nhất tháng 11/2023 tương ứng 1.133 điểm. HNX-INDEX tăng 0,34 điểm (+0,15%) lên 231,71 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tích cực khi có 336 mã tăng giá (10 mã tăng trần), 296 mã giảm giá (09 mã giảm sàn) và 177 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 15.483,62 tỷ đồng, giảm 4,29% so với phiên trước, và là phiên thứ ba liên tiếp thanh khoản suy giảm sau khi giao dịch đột biến ngày 07/12/2023. Thể hiện mức độ phân hóa mạnh, thanh khoản suy giảm mạnh tại nhiều mã, nhóm mã vốn hóa trung bình, nhỏ khi thị trường dần đi vào giai đoạn kết thúc năm 2023. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục xu hướng bán ròng mạnh với giá trị bán ròng 306,89 tỷ đồng trên HOSE, tập trung ở các cổ phiếu ngân hàng; duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 41,23 tỷ đồng.

Ngày 11/12/2023 trong báo cáo cập nhật thương mại toàn cầu, Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) cho biết thương mại toàn cầu trong năm nay ước tính sụt giảm 5% so với năm ngoái, đồng thời dự báo triển vọng ảm đạm vào năm 2024. Theo báo cáo, thương mại hàng hóa bị ảnh hưởng nặng nề nhất với mức giảm dự kiến 8%, tương đương khoảng 2 nghìn tỉ đô la. Trong khi đó, thương mại dịch vụ dự kiến tăng khoảng 7%, tương đương 500 tỉ đô la. "Thương mại toàn cầu đã tăng trưởng âm kể từ giữa năm 2022, chủ yếu do thương mại hàng hóa sụt giảm đáng kể và tiếp tục giảm trong ba quý đầu năm 2023. Ngược lại, thương mại dịch vụ cho thấy khả năng chống chịu tốt hơn và vẫn tăng trưởng tích cực trong cùng thời kỳ".

Thị trường giao dịch với thanh khoản suy giảm một phần có thể do tâm lý chờ đợi về cuộc họp lãi suất của FED sắp diễn ra. Với thanh khoản liên tiếp suy giảm dưới mức trung bình, thị trường không có nhiều điểm nhấn nổi bật, tuy vẫn có một số nhóm ngành thu hút lực cầu, thanh khoản khá đột biến, tích cực như nhóm công nghệ với CMT (+13,43%), ITD (+4,17%), FPT (+1,89%)..., bên cạnh đó nhóm cổ phiếu dệt may cũng có diễn biến tăng giá tích cực, thanh khoản gia tăng tốt như TNG (+4,19%), VGT (+2,52%), TCM (+2,31%), G36 (+1,37%)...

Nhóm cổ phiếu phân bón cũng có diễn biến tích cực, đa số tăng điểm, thanh khoản cải thiện với LAS (+3,45%), BFC (+3,04%), DCM (+1,39%)... Các cổ phiếu thép cũng có tăng giá ngay từ đầu phiên, thanh khoản gia tăng vượt mức trung bình như POM (+7,00%), HPG (+1,64%), TVN (+1,56%)...

Trong khi đó các cổ phiếu nhóm ngân hàng phân hóa, biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản dưới mức trung bình như BID (+1,21%), TCB (+0,65%), CTG (+0,56%)... ABB (-1,28%), BVB (-0,94%), LPB (-0,93%)... Các nhóm ngành khác cũng có diễn biến khá tương tự, tích lũy thanh khoản suy giảm.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 tăng 1,8 điểm (+0,16%), chênh lệch âm gia tăng -2,41 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng 12,34% so với phiên trước, dưới mức trung bình khối lượng mở OI tăng, duy trì mức cao. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 tích lũy trên vùng hỗ trợ gần nhất 1.100 điểm, kháng cự quanh 1.120 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -3,71 điểm đến -11,02 điểm, các mức chênh lệch mở rộng khá mạnh, cho thấy các trader vẫn cho thấy các trader vẫn nghiêng về VN30 sẽ điều chỉnh, có thể gia tăng ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro ở kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường tăng điểm nhẹ và duy trì trạng thái vận động chặt chẽ trong hơn 1 tuần qua. Chốt phiên thị trường tăng điểm nhẹ +2,13 điểm (+0,19%) và đóng cửa ở 1.127,63 điểm và tiếp tục quá trình hoàn thành nền tích lũy nhỏ ngắn hạn. Trong ngắn hạn thị trường sẽ hướng tới mục tiêu ngưỡng cản 1.150 điểm, về trung hạn Vn-Index sẽ cần tiến tới khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, đà hồi phục mạnh vừa qua đưa Vn-Index thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy cũ và sau khi Vn-Index test hỗ trợ 1.100 điểm thành công thị trường có khả năng sẽ hình thành nhịp tăng mới, tuy nhiên nhịp hồi phục vẫn mang tính kỹ thuật mà chưa hình thành uptrend. Thị trường đã dần hình thành nền tích lũy ngắn hạn để tạo cơ sở hướng tới cản ngắn hạn đầu tiên quanh 1.150 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Điểm số VnIndex đang thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy trung hạn cũ và đang tạo đà trước khi hình thành nhịp tích lũy trung hạn mới. Chúng tôi kỳ vọng trong trường hợp tích cực Vn-Index có thể vượt qua cản ngắn hạn 1.150 điểm để hình thành vùng tích lũy cao trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm, trong trường hợp kém khả quan hơn thì khả năng cao vùng tích lũy trung hạn sẽ là 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định với thống kê tăng trưởng GDP các quý đang tăng dần nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BĐS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Đức, Hà Lan... và với việc giá năng lượng đang duy trì ở mức giá cao khi mùa đông đến gần cũng tạo thêm nguy cơ lạm phát tăng trở lại.. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Nhịp hồi phục tiếp theo của thị trường đang dần hình thành như chúng tôi kỳ vọng và dự báo. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn cơ hội giải ngân vẫn xuất hiện khi Vn-Index có phiên bùng nổ tiếp theo, tuy nhiên giai đoạn này nhà đầu tư ngắn hạn không nên giải ngân tỷ trọng lớn và không nên mua đuổi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

12/12/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BFC	25.40	21-22	26-27	18	11.3	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
PET	27.25	24.5-25.5	31-32	23	37.1	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	40.90	37-38	44-46	35	8.9	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	34.10	31-33	38-39	29	8.5	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	32.20	30.5-31.2	34-35	29	17.0	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.4	22.3	28-28.5	25	13.9%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	25.8	18.6	28-29	24	38.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.4	24.45	30-31	25.5	8.0%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	48.1	45.1	52-53	47	6.7%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.5	11.4	15-16	11	0.9%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Thương mại toàn cầu giảm 5% trong năm 2023

Tổng giá trị thương mại hàng hoá và dịch vụ toàn cầu được dự báo sẽ đạt 30,7 nghìn tỷ USD trong năm nay... Thương mại toàn cầu năm nay sẽ giảm khoảng 5% so với mức kỷ lục thiết lập vào năm ngoái, trong bối cảnh lãi suất tăng cao gây áp lực lên các nền kinh tế, căng thẳng Mỹ-Trung dẫn tới dịch chuyển các chuỗi cung ứng, và xuất hiện thêm các chính sách hạn chế giao dịch thương mại xuyên biên giới. Số liệu trên được đưa ra trong một báo cáo của Hội nghị về Thương mại và phát triển Liên hiệp quốc (UNTAC) có trụ sở tại Geneva, Thụy Sĩ. Theo báo cáo này, tổng giá trị thương mại hàng hoá và dịch vụ toàn cầu sẽ đạt 30,7 nghìn tỷ USD trong năm nay, so với mức 32,2 nghìn tỷ USD của năm 2022.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình bắt đầu thăm chính thức Việt Nam

Trưa 12/12, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình và Phu nhân đã tới Hà Nội, bắt đầu thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam từ ngày 12 - 13/12 theo lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng và Phu nhân, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Võ Văn Thưởng và Phu nhân... Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Phạm Minh Chính ra sân bay quốc tế Nội Bài đón Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình và Đoàn đại biểu cấp cao Trung Quốc thăm Việt Nam.

Thu ngân sách từ xuất nhập khẩu 11 tháng năm 2023 mới bằng 78,9% dự toán

11 tháng năm 2023, thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu của cả nước mới đạt 335.116 tỷ đồng, bằng 78,9% dự toán, giảm 16,8% so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể, số thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu từ ngày 1 - 30/11/2023 đạt 32.699 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến 30/11/2023, thu ngân sách từ xuất nhập khẩu đạt 335.116 tỷ đồng, bằng 78,9% dự toán, giảm 16,8% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2023, Tổng cục Hải quan được Quốc hội giao dự toán thu ngân sách nhà nước là 425.000 tỷ đồng. Dự toán 2023 được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng GDP 6-6,5%; giá dầu thô 70 USD/thùng; kim ngạch xuất khẩu tăng từ 8-9%, kim ngạch nhập khẩu tăng từ 7- 8%.

Giải ngân vốn đầu tư công vượt xa cùng kỳ, hệ thống kho bạc còn 960.000 tỷ đồng gửi ngân hàng

Ngày 11/12, Kho bạc Nhà nước tổ chức Hội nghị Tổng kết năm 2023 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến. Thông tin từ Kho bạc Nhà nước cho thấy năm 2023, tổng số ngân quỹ nhà nước gửi tại hệ thống ngân hàng thương mại là 959.891 tỷ đồng. Về công tác kiểm soát chi, dự kiến đến hạn giải ngân, lũy kế vốn đầu tư công thanh toán qua hệ thống kho bạc bằng 96,2% kế hoạch Thủ tướng giao, tăng gần 140.000 tỷ đồng so với cùng kỳ...



TIN DOANH NGHIỆP

Lợi nhuận sắp cán đích, DRL chuẩn bị tạm ứng cổ tức đợt 2/2023

Thủy điện - Điện Lực 3 (HOSE: DRL) sắp chi 19 tỷ đồng để tạm ứng cổ tức đợt 2/2023. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 19/12, thời gian trả 29/12. Tỷ lệ tạm ứng cổ tức bằng tiền là 20% (tương đương 1 cổ phiếu được nhận 2,000 đồng). Với 9.5 triệu cp đang lưu hành, DRL cần chi ra 19 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung đang là cổ đông lớn nhất của DRL, sở hữu số lượng 2.89 triệu cp, tương ứng tỷ lệ 30.42% vốn, ước tính thu về gần 5.78 tỷ đồng từ đợt tạm ứng cổ tức này.

Tập đoàn CIENCO4 góp vốn thành lập công ty cảng hàng không

Vừa trúng thầu dự án thành phần 2 - xây dựng cảng hàng không thuộc dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không Quảng Trị, CTCP Tập đoàn CIENCO4 (UPCoM: C4G) thông báo góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng hàng không Quảng Trị. Cụ thể, C4G góp 6.75 tỷ đồng thành lập Công ty TNHH Cảng hàng không Quảng Trị, tương ứng 15% vốn điều lệ Công ty. HĐQT C4G bổ nhiệm ông Lê Đức Thọ - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc C4G là người đại diện 33.3% phần vốn góp của Tập đoàn CIENCO4, tương đương 5% vốn tại Cảng hàng không Quảng Trị.

ICN sắp tạm ứng thêm đợt cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 15%

CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (UPCoM: ICN) thông báo chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 02/01/2024. Hiện tại, ICN còn lưu hành gần 12 triệu cp trên thị trường. Với tỷ lệ thực hiện 15% - tương đương cổ đông sở hữu 1 cp được nhận 1,500 đồng, ước tính Doanh nghiệp cần chi 18 tỷ đồng cho đợt tạm ứng cổ tức này. Ngày thanh toán dự kiến vào 26/01/2024.

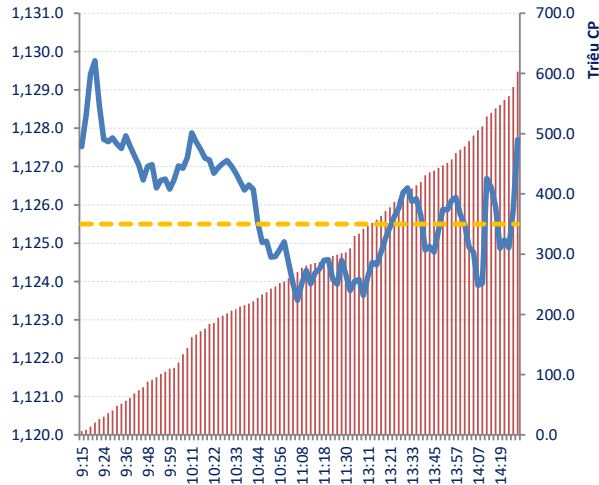
Petrosetco (PET) ước đạt 180 tỷ đồng lợi nhuận năm 2023

Tại Hội nghị Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Petrosetco (mã chứng khoán PET - sàn HOSE), PET cho biết lợi nhuận năm 2023 ước đạt 180 tỷ đồng, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt xấp xỉ 15%. Trong 4 mảng dịch vụ cốt lõi của PET, doanh thu dịch vụ quản lý bất động sản ước đạt 759 tỷ đồng, bằng 125% kế hoạch năm và 150% so với cùng kỳ; mảng dịch vụ đời sống ước đạt 1.017 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm và bằng 109% so với cùng kỳ; mảng dịch vụ phân phối ước đạt 15,198 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ và xấp xỉ hoàn thành kế hoạch năm 2023.

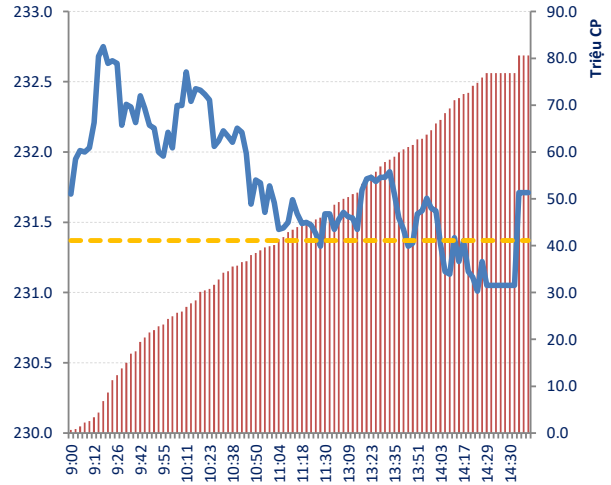


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

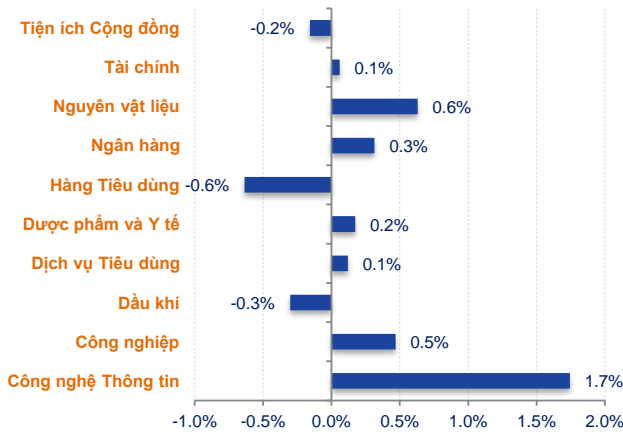
KLGD và VN-Index trong phiên



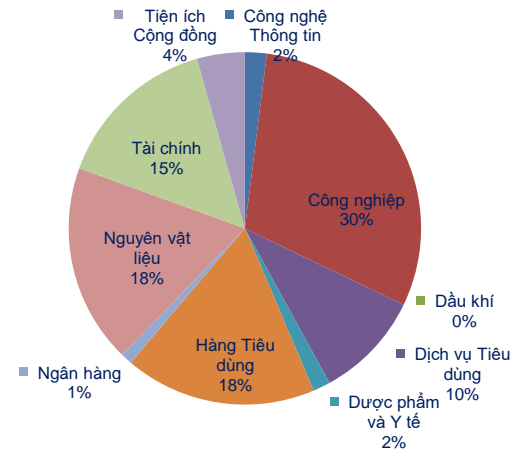
KLGD và HNX-Index trong phiên



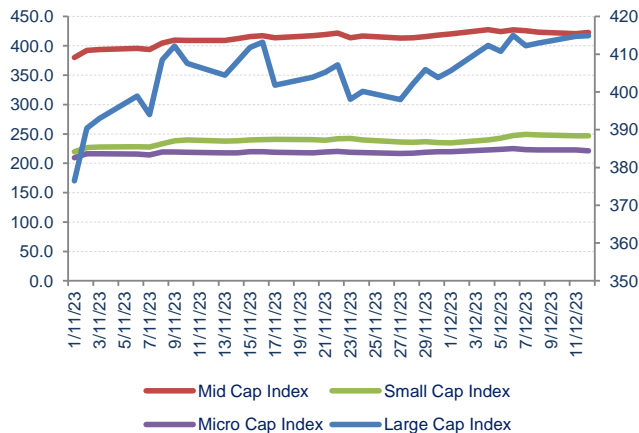
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



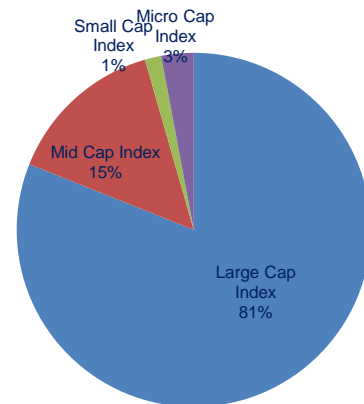
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE	HNX
------	-----

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	3,097,491	FUEVFVND	4,137,800	1	CEO	1,079,237	SHS	42,480
2	HPG	1,169,684	VPB	1,739,500	2	IDC	215,000	MAC	29,300
3	NVL	766,135	KBC	1,221,823	3	IPA	100,800	BVS	22,200
4	PC1	576,000	MSN	970,500	4	PVS	95,700	MBS	17,620
5	VRE	451,090	SHB	918,284	5	LAS	48,200	TNG	15,380

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
TCB	30.85	31.05	↑ 0.65%	38,667,700	CEO	23.90	23.80	↓ -0.42%	12,338,828
HPG	27.50	27.95	↑ 1.64%	32,231,800	SHS	18.70	18.60	↓ -0.53%	10,170,933
SHB	11.15	11.10	↓ -0.45%	30,693,000	HUT	20.70	20.90	↑ 0.97%	9,748,158
EIB	19.00	19.00	→ 0.00%	22,257,820	IDC	50.70	51.50	↑ 1.58%	5,036,925
HAG	13.00	13.10	↑ 0.77%	21,403,200	IDJ	6.10	6.60	↑ 8.20%	4,898,062

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXV	3.86	4.13	0.27	↑ 6.99%	ARM	30.90	33.90	3.00	↑ 9.71%
POM	5.43	5.81	0.38	↑ 7.00%	CTT	15.50	17.00	1.50	↑ 9.68%
HAR	4.08	4.36	0.28	↑ 6.86%	SDA	6.30	6.90	0.60	↑ 9.52%
KPF	5.12	5.47	0.35	↑ 6.84%	MCO	5.60	6.10	0.50	↑ 8.93%
FDC	15.50	16.50	1.00	↑ 6.45%	VE8	4.70	5.10	0.40	↑ 8.51%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PAC	25.50	24.00	-1.50	↓ -5.88%	VE3	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
VAF	12.20	11.50	-0.70	↓ -5.74%	NAP	13.10	11.80	-1.30	↓ -9.92%
TCR	3.39	3.20	-0.19	↓ -5.60%	NHC	32.30	29.10	-3.20	↓ -9.91%
TPC	5.88	5.56	-0.32	↓ -5.44%	SDU	26.30	23.70	-2.60	↓ -9.89%
FUEIP100	8.44	8.01	-0.43	↓ -5.09%	BED	25.60	23.10	-2.50	↓ -9.77%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	38,667,700	14.2%	4,864	6.3	0.9
HPG	32,231,800	1.9%	322	85.5	1.6
SHB	30,693,000	15.9%	2,036	5.5	0.8
EIB	22,257,820	8.3%	1,013	18.7	1.5
HAG	21,403,200	18.6%	1,070	12.2	2.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	12,338,828	6.7%	955	25.0	1.9
SHS	10,170,933	5.4%	643	29.1	1.5
HUT	9,748,158	0.8%	122	170.0	1.6
IDC	5,036,925	17.0%	3,177	16.0	3.0
IDJ	4,898,062	4.0%	460	13.3	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXV	↑ 7.0%	-2.0%	(226)	-	0.4
POM	↑ 7.0%	-47.5%	(3,857)	-	0.8
HAR	↑ 6.9%	-1.4%	(153)	-	0.4
KPF	↑ 6.8%	9.2%	1,175	4.4	0.4
FDC	↑ 6.5%	-44.5%	(5,135)	-	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ARM	↑ 9.7%	15.1%	1,778	17.4	2.5
CTT	↑ 9.7%	18.3%	2,493	6.2	1.1
SDA	↑ 9.5%	-0.2%	(20)	-	0.8
MCO	↑ 8.9%	0.4%	52	108.4	0.4
VE8	↑ 8.5%	-57.7%	(3,587)	-	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	3,097,491	7.8%	957	22.9	1.7
HPG	1,169,684	1.9%	322	85.5	1.6
NVL	766,135	-1.4%	(309)	-	0.8
PC1	576,000	3.6%	814	33.5	1.2
VRE	451,090	11.8%	1,818	13.0	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	1,079,237	6.7%	955	25.0	1.9
IDC	215,000	17.0%	3,177	16.0	3.0
IPA	100,800	-1.3%	(236)	-	0.8
PVS	95,700	6.7%	1,846	21.4	1.4
LAS	48,200	8.5%	1,018	14.2	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	470,601	22.6%	6,013	14.0	3.0
BID	235,998	17.6%	3,450	12.0	2.0
GAS	179,835	19.0%	5,283	14.8	2.9
VHM	178,529	25.0%	9,468	4.3	1.0
VIC	168,004	2.7%	977	45.1	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,880	6.7%	1,846	21.4	1.4
HUT	18,475	0.8%	122	170.0	1.6
IDC	16,731	17.0%	3,177	16.0	3.0
SHS	15,206	5.4%	643	29.1	1.5
THD	13,590	2.9%	460	76.8	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CTS	2.60	7.9%	1,020	26.8	2.0
AGR	2.54	6.3%	727	22.1	1.4
FCN	2.53	1.1%	232	63.3	0.7
VIX	2.50	8.2%	1,005	17.0	1.3
PIT	2.49	-0.6%	(47)	-	0.8

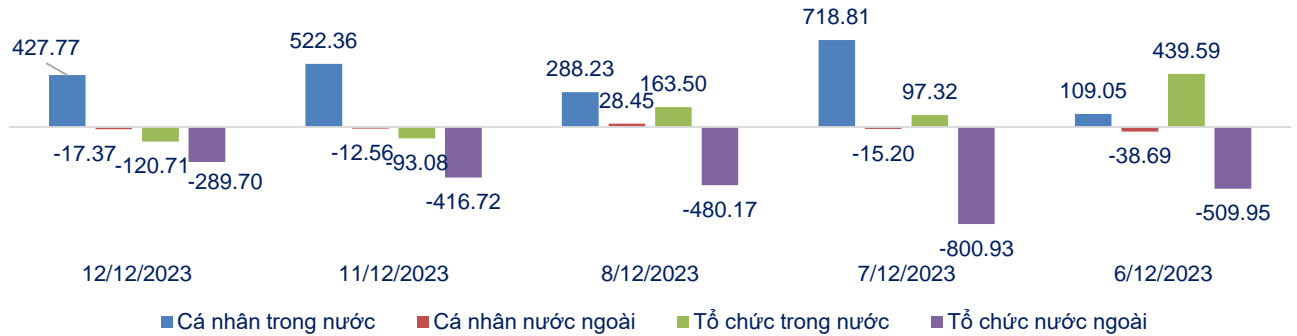
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.51	0.8%	122	170.0	1.6
SHS	2.39	5.4%	643	29.1	1.5
EVS	2.28	5.9%	688	12.5	0.7
VC7	2.28	6.2%	622	25.2	1.5
VIG	2.22	6.8%	501	16.0	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	81.44	2.2%	572	118.0	2.5
VNM	67.91	24.4%	4,029	17.4	4.3
VCB	56.12	22.6%	6,013	14.0	3.0
SSI	39.39	8.9%	1,346	24.3	2.2
KBC	38.80	7.6%	1,892	17.2	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-87.19	7.8%	957	22.9	1.7
HPG	-47.03	1.9%	322	85.5	1.6
MBB	-35.28	22.4%	4,290	4.2	1.0
CTG	-22.98	15.7%	3,377	8.0	1.2
ACB	-20.95	23.8%	3,839	5.8	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	4.96	8.2%	1,005	17.0	1.3
SZC	3.60	12.5%	1,670	26.0	3.1
VHM	2.26	25.0%	9,468	4.3	1.0
DXG	1.74	-2.0%	(456)	-	0.8
VGC	0.86	14.6%	3,078	17.9	2.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-20.37	22.4%	4,290	4.2	1.0
KDC	-6.07	9.2%	2,669	23.6	2.0
BID	-1.79	17.6%	3,450	12.0	2.0
VIC	-1.78	2.7%	977	45.1	1.1
PDR	-0.76	1.6%	199	139.5	2.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFN30	100.85	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	35.28	22.4%	4,290	4.2	1.0
ACB	20.95	23.8%	3,839	5.8	1.3
VND	18.65	7.8%	957	22.9	1.7
CTG	14.78	15.7%	3,377	8.0	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	-31.92	-1.3%	(250)	-	1.3
FPT	-24.60	22.3%	4,815	19.7	4.2
DXG	-23.10	-2.0%	(456)	-	0.8
E1VFN30	-19.20	N/A	N/A	N/A	N/A
VCB	-17.92	22.6%	6,013	14.0	3.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

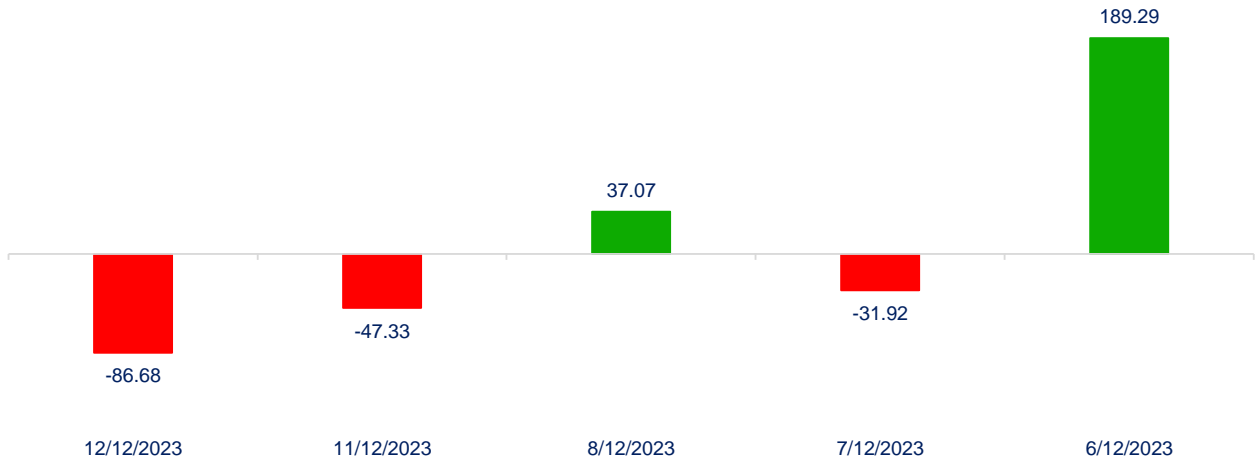
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	69.20	7.8%	957	22.9	1.7
HPG	32.59	1.9%	322	85.5	1.6
MBB	20.37	22.4%	4,290	4.2	1.0
VHC	19.24	12.9%	5,655	13.4	1.7
VIC	16.84	2.7%	977	45.1	1.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

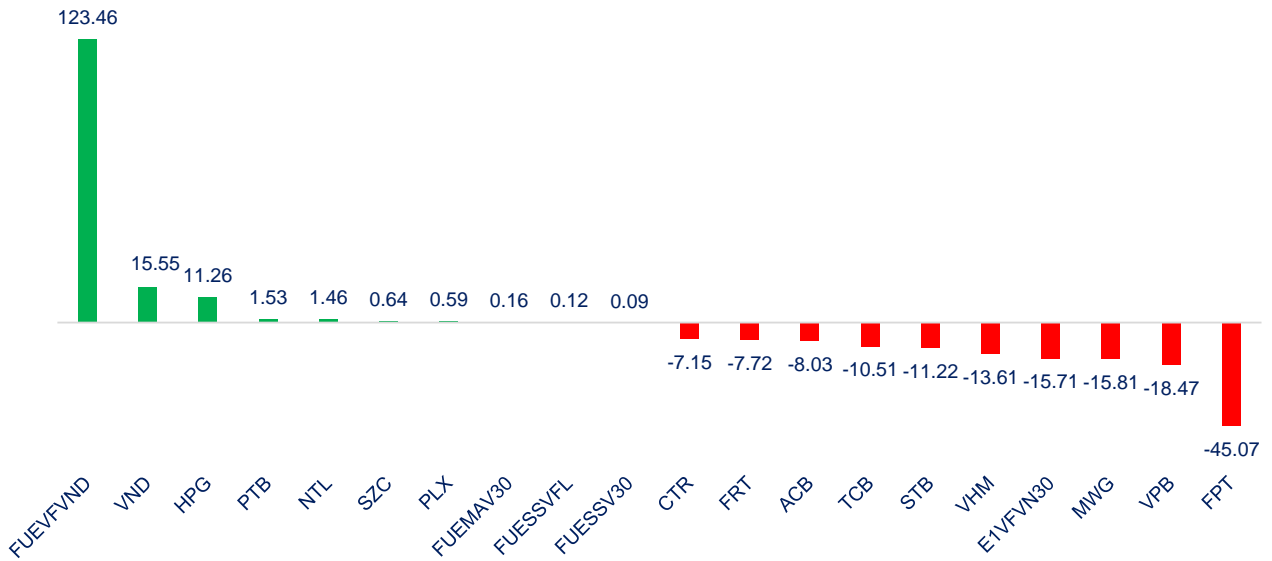
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFN30	-105.56	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	-65.04	2.2%	572	118.0	2.5
VNM	-61.32	24.4%	4,029	17.4	4.3
KBC	-39.48	7.6%	1,892	17.2	1.2
VCB	-38.13	22.6%	6,013	14.0	3.0



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn